

Bản án số: 578/2021/HS-PT

Ngày: 18/11/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử P3 thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hạnh ;

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tài;

Ông Đặng Đình Lực .

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Ngọc H7 - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại HÀ NỘI.

- Đại D4 Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, Tòa án nhân dân cấp cao tại HÀ NỘI xét xử P3 thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 123/2021/TLPT-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021. Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Quang H, Lê Thị P, Nguyễn Văn D, Phạm Công H1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Nguyễn Công T, sinh năm 1965 tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn H13 g N, xã Thái S, huyện Thái T1, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 07/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Công V (đã chết) và bà Nguyễn Thị S1; Vợ là Giang Thị H2, có 03 con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 04/8/1999, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 30 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/11/2019 đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Quang H, sinh năm 1971 tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn Thanh P1, xã Thái S, huyện Thái T1, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Quang V1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị

L2; Vợ là Phạm Thị Thanh T3, có 02 con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/11/2019 đến nay; có mặt.

3. Lê Thị P, sinh năm 1955 tại tỉnh HÀ Nam; Nơi cư trú: Xóm 8, xã Đại C3, huyện Kim B4, tỉnh HÀ Nam; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 07/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Khắc H và bà Quang Thị P2 (đã chết); Chồng là Đỗ Hồng C3, có 04 con, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1987; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/11/2019 đến nay; có mặt.

4. Nguyễn Văn D, sinh năm 1979 tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Hải T7, xã Hải L5, huyện Như T8, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T9 (đã chết) và bà Nguyễn Thị K; Vợ là Đỗ Thị L10, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/11/2019 đến nay; có mặt.

5. Phạm Công H1, sinh năm 1964 tại tỉnh Vĩnh P3; Nơi cư trú: Số nhà 36, tổ 5, thị trấn Sóc S2, huyện Sóc S3, thành phố HÀ Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Đ3 và bà Kim Thị Đ4 (đã chết); Vợ là Nguyễn Thị Q, có 02 con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 19/10/1998, Tòa án Quân sự Trung ương xét xử P3 thẩm xử phạt 12 năm tù về các tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa”. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/11/2019 đến nay; có mặt.

*** Người bào chữa cho các bị cáo:**

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Công T:* Ông Trần Trọng T6- Luật sư thuộc Chi nhánh Công ty Luật TNHH Hà Nam; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang H:* Ông Vũ Văn L8 - Luật sư của Công ty Luật TNHH Sông Châu thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị P:* Ông Đỗ Duy H4, bà Đinh Thị A- Luật sư của Công ty Luật TNHH Duy H7 thuộc Đoàn luật sư thành phố HÀ Nội; có mặt luật sư H7, vắng mặt luật sư An.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D:* Ông Nguyễn Văn C6- Luật sư của Công ty Luật TNHH HÀ Nam thuộc Đoàn luật sư tỉnh HÀ Nam; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Công H1:* Ông Phạm Công H8 và ông Nguyễn Anh D6 - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV Công H9 và Cộng

sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh; có mặt luật sư Diệp; vắng mặt luật sư H15 .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Hữu N9, Phạm Công H1 và Lê Thị P bàn với nhau nếu có người hỏi mua đồng đen sẽ lừa bán đồng đen giả để chiếm đoạt tiền đặt cọc của người mua.

Để thuận tiện cho việc lừa đảo, Bùi Hữu N9 bàn với Trần Ngọc H11 (quen biết nhau từ trước) là HÀ sẽ tìm địa điểm ở tỉnh Thanh Hóa để thực hiện. Khoảng tháng 02/2019, N9 được HÀ dẫn đến nhà Bùi Văn D4 ở Thôn Hải T7, xã Hải L5, huyện Như T8, tỉnh Thanh Hóa. Tại đây, N9 thấy có một ngôi nhà sàn của bà Nguyễn Thị K (là mẹ đẻ của D4) phù hợp cho việc thực hiện Hành vi lừa đảo. N9 nói với HÀ và D4 “*Đồng đen là đồ dỏm, chỉ cần qua mặt được khách mua để ăn tiền đặt cọc*”, D4 nói “*Anh cứ yên tâm, địa điểm nhà em là an toàn, anh có khách thì cứ vào*”. Khi thống nhất xong địa điểm, N9 lấy số điện thoại của D4 rồi đi về. Sau đó, N9 nhiều lần gọi điện thoại trao đổi với HÀ và HÀ yêu cầu bên HÀ phải được chia 50% số tiền chiếm đoạt được, N9 đồng ý.

Khoảng đầu tháng 4/2019, bà Trần Thị H9, trú tại thôn Phù M2, xã Phù L4, huyện Sóc S3, thành phố HÀ Nội là người có mối quan hệ quen biết với Lê Thị P, gọi điện nhờ P3 tìm người có đồng đen bán để giới thiệu bán cho ông Vương Đình H12, P3 đồng ý. Sau đó P3 gọi điện thoại cho H13 nói “*có người đến hỏi mua đồng đen*”, H13 hiểu ý nên báo với P3 để gọi điện hỏi N9. Sau đó, H13 gọi điện thoại thông báo cho N9 biết và gửi số điện thoại của P3 cho N9 để N9 liên hệ trực tiếp với P3. N9 gọi điện thoại cho P3 thì P3 nói lại việc bà H14 đến hỏi mua đồng đen. Sau đó, N9 nói với H13 và P3 là “*làm được*”. N9 thống nhất với P3 và H13 để bà H14 liên lạc dẫn ông H15 đến gặp nhóm của N9.

Bùi Hữu N9 và Nguyễn Công T có mối quan hệ quen biết với nhau. N9 biết T8 có khả năng làm giả đồng đen và có các thủ đoạn làm người mua tin là đồng đen thật nên đã liên lạc báo T8 vào vai người có đồng đen bán, T8 đồng ý và yêu cầu phải cho Nguyễn Quang H cùng tham gia thì mới làm được, N9 đồng ý và nói “*chuẩn bị các đồ vật, khi nào thông báo thì đi làm*”. Để thực hiện việc lừa đảo, T8 làm giả cục đồng đen bằng cách dùng dao đẽo cục gỗ to bằng ngón tay của T8, lấy chì găm vào rồi sơn màu đen để trong một hộp gỗ nhỏ màu đen, bọc mảnh vải đỏ bên ngoài; mua hai mảnh gương có kích thước khoảng (10x 10)cm về hơi một mảnh gương lên mặt chảo nóng cho rạn nứt và hai chiếc nhiệt kế, thay thủy ngân bằng cục chì nhỏ vào một nhiệt kế. T8 tìm hiểu thì biết cách mọi người hay thử để xác định đồng đen là thật hay giả bằng cách đưa nhiệt kế đến cạnh cục đồng đen thì thủy ngân trong nhiệt kế sẽ đông

lại; để gương lên cục đồng đen thì gương sẽ rạn nứt và khi cho cục đồng đen vào nước thì sẽ nổi lên.

Sau khi bà H14 được P3 cho biết đã tìm được người có đồng đen bán, bà H14 gọi điện thoại thông báo cho ông H15 thì ông H15 đồng ý mua và hẹn đến ngày 23/4/2019 gặp nhau tại nhà P3 để liên hệ, giao dịch với người có đồng đen bán. Đến ngày hẹn thì ông Nguyễn Công V là bố đẻ của T8 chết nên T8 không tham gia được. N9 thuê xe ô tô của anh Nguyễn Như H7, trú tại thôn Thanh P1, xã Thái S, huyện Thái T1, tỉnh Thái Bình chở N9 đến nhà P3 với mục đích thăm dò và tìm cách hoãn cuộc giao dịch với ông H15. Trên đường đi, N9 nhờ anh H7 vào gặp ông H15 và nói *“Bố của chủ HÀ ng mất không đến được, hẹn hôm khác làm việc”* rồi đưa cho anh H7 một chiếc phong bì, bên trong có một mảnh gương bị rạn nứt do T8 chuẩn bị (anh H7 không biết bên trong phong bì có gì), bảo anh H7 đưa cho người trong nhà P3. Đến nơi, N9 ở ngoài, anh H7 vào thì gặp ông H15, bà H14 và P3; anh H7 đưa cho ông H15 phong bì thư mà N9 đã đưa trước đó. Sau đó, ông H15 ra xe ô tô mang 01 túi tiền vào đặt lên bàn để chứng minh có khả năng tài chính và muốn mua đồng đen. Trước khi anh H7 ra về, ông H15 có đưa cho anh H7 một phong bì bên trong có 1.000.000 đồng và bảo anh H7 gửi về viếng hộ đám ma. Sau đó, anh H7 đưa cho N9 chiếc phong bì của ông H15 gửi viếng đám ma và bảo đã nói với mọi người trong nhà như N9 đã dặn.

Sau khi hoãn được giao dịch, N9 bàn bạc và thống nhất với H13, T8, H12 và P3 sẽ đưa ông H15 vào nhà sàn của mẹ D4 tại xã Hải L5, huyện Như T8, tỉnh Thanh Hóa để ông H15 tin tưởng đặt tiền cọc mua đồng đen. Đến ngày 25/4/2019, N9 gọi điện thoại cho D4 nói *“ngày mai có khách, anh sẽ đưa khách vào nhà em để kiểm tra HÀ ng, nếu vượt qua mặt họ thì mới có tiền đặt cọc, nếu không được thì anh không có tiền xe về”*, D4 nói *“Mai anh cứ đưa khách vào”*. N9 cũng hẹn đón HÀ tại thành phố Thanh Hóa để cùng vào nhà D4. Sau đó, N9 gọi điện báo cho H13, P3 và T8 biết sáng ngày hôm sau sẽ vào nhà D4 ở Thanh Hóa để gặp ông H15 và thống nhất N9, T8 và H12 đi một xe và đón HÀ ở Siêu thị BigC Thanh Hóa, H13 đi một mình, P3 đi cùng xe ô tô với ông H15.

Ngày 26/4/2019, N9 thuê xe ô tô của anh H7 cùng T8, H12 đi vào tỉnh Thanh Hóa. Khi đi, T8 mang theo những đồ vật để thử đồng đen đã chuẩn bị trước đó. Đến khu vực siêu thị BigC thành phố Thanh Hóa thì dừng đón HÀ. Khi đến thị trấn Bến S4, huyện Như T8 thì gặp H13 đi một mình một xe ô tô. Đến nhà D4 thì N9, HÀ, H13 ngồi ở quán Karaoke của D4; T8 và H12 được D4 dẫn sang nhà sàn để chuẩn bị giao dịch, trước khi sang nhà sàn, N9 nói với D4 *“nếu tý nữa có khách đến hỏi thì nhận là chủ nhà còn T8, H12 là anh em chú bác, nếu họ không hỏi thì thôi”*. Khi sang nhà sàn, do đã nắm được phương pháp thử đồng đen nên T8 đề phòng nếu ông H15 không có dụng cụ thử sẽ

phải nhờ người đi mua nên đưa cho D4 một túi ni lon màu hồng đựng một chiếc nhiệt kế, chiếc gương lảnh và nói “*cầm lấy, tí nữa có ai nhờ đi mua thì mang lên cho họ*”.

Sáng ngày 26/4/2019, ông H15 cùng bà H14 đi ô tô từ thành phố Hà Nội xuống nhà ở của P3 ở xóm 8, xã Đại C3, huyện Kim B4, tỉnh HÀ Nam đón P3 đi vào Thanh Hóa. Khi đến thị trấn Bến S4, huyện Như T8, tỉnh Thanh Hóa, P3 gọi điện cho N9 bảo N9 cho người ra đón. N9 bảo D4 ra đón và dặn “*Mày chỉ biết ra đón người thôi, không nói gì về HÀ ng hóa, việc đó đã có T8, H12 lo*”. Do D4 không biết mặt ông H15 nên N9 nhờ anh H7 đi cùng. D4 và anh H7 mỗi người đi một xe máy ra thị trấn Bến S4 đón ông H15, bà H14 và P3 rồi đưa lên tầng hai nhà sàn của bà Nguyễn Thị K gặp T8 và H12. D4 ở dưới gầm nhà sàn chờ. Khi gặp ông H15, T8 giới thiệu tên là “Thoại”, H12 giới thiệu tên là “Trình”. Ông H15 hỏi T8 “*Anh có phải chủ ngôi nhà này không*”, T8 nói “*không, nhà ở phía trong kia, đây là nhà cháu ruột, nhà đang có tang nên không muốn giao dịch tại nhà mà phải ra đây cho tiện*”. Ông H15 hỏi “*nghe chị P3 giới thiệu anh có vật gì bán*”, T8 nói “*có đồng đen, là vật gia truyền của dòng họ để lại*”, ông H15 hỏi “*có tính năng gì*”, T8 nói “*làm vỡ gương, đồng thủy ngân và nổi trong nước*”. Ông H15 muốn thử các tính năng này N9 không mang theo gương và nhiệt kế thì T8 gọi D4 vào bảo đi mua gương và nhiệt kế hộ ông H15. D4 hiểu ý không mang ngay chiếc gương và nhiệt kế mà T8 đã đưa trước đó lên luôn mà ngồi khoảng 15 phút mới mang lên đưa cho ông H15. Khi ông H15 kiểm tra thấy thủy ngân trong nhiệt kế không dịch chuyển thì bảo D4 đi mua nhiệt kế khác. D4 đã đi mua nhiệt kế khác về đưa cho ông H15 rồi ra hành lang đứng. Ông H15 kẹp nhiệt kế vào người thấy thủy ngân chuyển động thì cho vào túi màu hồng để trên chiếu. T8 nói để tôi thử cho xem rồi cầm túi nilon đựng mảnh gương, nhiệt kế do ông H15 đưa về góc nhà sàn và trao đổi chiếc túi có mảnh gương, nhiệt kế mà T8 đã chuẩn bị trước đó. T8 lấy chiếc hộp gỗ được bọc vải đỏ có cục đồng đen giả mang ra giữa sàn nhà và nói đồng đen có chất phóng xạ, không nên đến gần và bảo D4 ngắt cầu dao điện để không bị cháy nổ để cho ông H15 tin.

Do nghĩ là đồng đen thật, có chất phóng xạ nên ông H15 không đến gần mà bảo T8 tự thử. T8 cầm ra một chiếc đĩa sứ, mở chiếc hộp gỗ lấy cục đồng đen giả, nhiệt kế ra cho lên chiếc đĩa và úp mảnh gương lại, khoảng mấy phút sau T8 nói được rồi và cầm chiếc gương, nhiệt kế lại gần cho ông H15 kiểm tra. Khi ông H15 đang xem thì bà H14 đưa điện thoại ra chụp ảnh cục đồng đen thì H12 ngăn cản không cho chụp. Kiểm tra xong ông H15 yêu cầu đưa vật đó vào chai nước thì T8 làm theo và lại cho ông H15 xem. Sau đó, T8 cho cục đồng đen giả vào hộp gỗ và bọc vải đỏ lại như cũ để dưới sàn nhà. Lúc này, ông H15 tin là đồng đen thật nên hỏi T8 muốn bán thế nào, T8 nói giá 300 tỷ đồng, ông H15 nói bớt thì T8 đồng ý bớt 10%, còn 270 tỷ đồng, ông H15

đồng ý mua. T8 yêu cầu ông H15 đặt cọc trước 500 triệu đồng, ông H15 đồng ý NH7 yêu cầu phải viết giấy cam kết và có P3 chứng kiến vì P3 là người giới thiệu, T8 đồng ý. Sau khi thỏa thuận xong, ông H15 nhờ D4 đi mua két sắt để cất giữ cục đồng đen, khi mua được két sắt ông H15 cho chiếc hộp gỗ bên trong có cục đồng đen giả vào két rồi khóa lại, ông H15 giữ chìa khóa két rồi đưa cho T8 500.000.000 đồng đặt cọc. Sau đó, hai bên viết giấy giao nhận tiền đặt cọc và đưa cho T8, H12, bà H14 ký vào giấy, P3 chứng kiến. Sau khi viết giấy biên nhận xong, ông H15 hẹn ngày hôm sau giao dịch mua bán, trước khi trả tiền sẽ thử lại lần nữa mà phải do hai kỹ thuật viên của ông H15 trực tiếp thử thì T8 đồng ý.

Sau khi ông H15, bà H14 và P3 ra về, H12 mang số tiền 500 triệu đồng của ông H15 đặt cọc sang phòng chờ quán karaoke của D4 đưa cho N9 và nói “*chiến lợi phẩm của các anh đây*”, khi đó N9 đang ngồi cùng bàn với H13 và HÀ còn D4 ngồi ở bàn bên cạnh. N9 chia cho HÀ 250 triệu đồng nói “*đây là 250 triệu đồng, tiền của chị em mày*”, ngay sau đó N9 rút lại 10 triệu đồng đưa cho T8 bảo mang sang cho mẹ D4; số tiền còn lại N9 chia cho H13 50 triệu đồng, T8 50 triệu đồng, H12 50 triệu đồng và đưa H13 40 triệu đồng để đưa cho P3, N9 giữ 60 triệu đồng. Sau khi được chia 240 triệu đồng thì HÀ chia cho D4 40 triệu đồng. Sau đó N9, T8, H12 lên xe ô tô đi về.

Đi được một đoạn thì N9 bảo anh H7 dừng lại, N9 gọi điện cho H13 đến và bảo đưa cho P3 30 triệu đồng thôi và N9 lấy lại 10 triệu đồng. Trên đường về, N9 trả tiền thuê xe ô tô cho anh H7 số tiền 20 triệu đồng và nói trả tiền thuê cả chuyến trước và sau này chờ tiếp.

Sau khi chiếm đoạt được 500 triệu đồng của ông H15, T8 gọi điện cho ông H15 nói hoãn việc giao dịch ngày 27/4/2019 và bảo ông H15 có gì thông báo lại sau, địa điểm do T8 lựa chọn. Đến ngày 28/4/2019, T8 yêu cầu ông H15 đặt cọc thêm 01 tỷ đồng và hẹn ngày 29/4/2019 gặp nhau tại nhà P3 thì ông H15 đồng ý; cùng ngày, N9, T8 và H12 thuê xe ô tô của anh H7 đi vào nhà D4 chờ két sắt mang về nhà N9.

Theo thỏa thuận, ngày 29/4/2019, ông Văn T14, trú tại số nhà 92, đường Trường C7, thành phố V1, tỉnh Nghệ An (là anh em đồng hao với ông H15) lái xe ô tô chở ông H15 về thành phố Phủ Lý, tỉnh HÀ Nam. N9 thuê ô tô của anh Trương Tuấn V2, trú tại xã Thái H7, huyện Thái T1, tỉnh Thái Bình chở T8, H12, N9 mang theo chiếc két sắt từ Thái Bình sang thành phố Phủ Lý, tỉnh HÀ Nam thì T8, H12 xuống xe ngồi uống nước ở vườn H14 Nam Cao thành phố Phủ Lý, tỉnh HÀ Nam chờ ông H15. Khi ông H15 đi đến khu vực vườn H14 Nam Cao thì gặp T8, H12 đang ngồi uống nước. Sau đó, T8 và H12 lên xe ô tô của ông H15 đi đến nhà P3 còn anh Vũ chở N9 đến nhà P3 sau. Tại nhà P3, hai bên ngồi nói chuyện gần 01 tiếng thì N9 đi từ ngoài vào đến sân gọi P3 ra nói với P3 vào giới thiệu tên N9 là Mão làm Luật sư để đứng ra làm giấy tờ

cam kết cho việc giao dịch mua bán này. Ông H15 hỏi T8, H12 “có đồng ý không” thì T8, H12 đồng ý rồi đặt cọc, ông H15 giao cho T8 01 tỷ đồng nữa và thống nhất ngày 04/5/2019 sẽ giao dịch mua bán. N9 viết giấy giao nhận số tiền là 1.500.000.000 đồng (gộp cả 500.000.000 đồng tiền đặt cọc đã nhận tại Thanh Hóa và hủy giấy biên nhận lần trước). Theo giấy giao tiền đặt cọc thì P3 chịu trách nhiệm bảo lãnh (là bên có ng), viết xong N9 đưa cho P3 cầm giấy biên nhận. Lúc này, T8, H12 cho ông H15 xem kết sắt nH7 ông H15 chỉ xem bên ngoài chứ không mở ra kiểm tra rồi đi về. Ngay sau khi ông H15 về, T8 đưa cho N9 01 tỷ đồng. N9 cùng T8, H12 lên tầng 2 nhà P3, chia cho P3 80.000.000 đồng rồi xuống dưới bê chiếc kết sắt lên ô tô. N9, T8, H12 lên ô tô đi đến gần cầu vượt Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh HÀ Nam thì N9 cầm tiền sang xe ô tô của H13 đưa cho H13 75.000.000 đồng rồi N9, T8, H12 đi về Thái Bình. Trên đường đi N9 trả tiền thuê xe ô tô của anh Vũ 5.000.000 đồng. Đến khu vực đầu cầu B3, thành phố Thái Bình, N9 vứt chiếc kết sắt xuống sông còn T8 vứt chiếc hộp gỗ đựng cục đồng đen giả ở vệ đường. N9 chia cho T8, H12 mỗi người 83 triệu đồng, đưa cho H12 580 triệu đồng để chia cho nhóm người môi giới và nhân viên kỹ thuật.

Theo H12 khai đưa cho Nguyễn Như Q2, trú tại thôn Thanh P1, xã Thái S, huyện Thái T1, tỉnh Thái Bình 500.000.000 đồng, còn 80.000.000 đồng H12 giữ lại chiếm hưởng.

P3 hủy tờ giấy nhận tiền do ông H15 giao cho giữ. Một ngày sau, N9 yêu cầu P3, T8, H12, H13 mỗi người đưa lại cho N9 5.000.000 đồng để đưa cho D4. Sau đó N9 đưa cho D4 số tiền 20.000.000 đồng.

Sau đó ông H15 nhiều lần liên lạc với T8 để giao dịch mua bán đồng đen nH7 T8 tắt máy nên ông H15 làm đơn trình báo Cơ quan CSĐT Công an tỉnh HÀ Nam để điều tra, xử lý.

Căn cứ các tài liệu điều tra đã thu thập, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh HÀ Nam ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Phạm Công H1, Lê Thị P, Nguyễn Công T, Nguyễn Văn D. Ngày 16/11/2019, Nguyễn Quang H và Bùi Hữu N9 đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra đầu thú.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh HÀ Nam đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị cáo. Áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Bùi Hữu N9, Phạm Công H1, Nguyễn Công T, Nguyễn Quang H và Lê Thị P; điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Công H1; khoản 2 Điều 51

Bộ luật hình sự đối với Bùi Hữu N9, Nguyễn Công T, Nguyễn Quang H, Lê Thị P và Nguyễn Văn D.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Công H1, Nguyễn Công T, Nguyễn Quang H, Lê Thị P và Nguyễn Văn D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Công T 14 (Mười bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 16/11/2019.

Bị cáo Nguyễn Quang H 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 16/11/2019.

Bị cáo Lê Thị P 13 (Mười ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 16/11/2019.

Bị cáo Nguyễn Văn D 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 21/11/2019.

Bị cáo Phạm Công H1 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 16/11/2019.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 12/01/2021, bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Quang H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 15/01/2021, bị cáo Phạm Công H1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 18/01/2021, bị cáo Lê Thị P, Nguyễn Công T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 18/01/2021, bị cáo Bùi Hữu N9 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 24/5/2021 bị cáo Bùi Hữu N9 có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo. Tòa án nhân dân cấp cao tại HÀ NỘI đã quyết định đình chỉ xét xử P3 thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Bùi Hữu N9.

Tại phiên tòa P3 thẩm, các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Quang H, Lê Thị P, Phạm Công H1 giữ nguyên kháng cáo, khai nhận thành khẩn Hành vi phạm tội của mình đúng như quy kết, các bị cáo cho rằng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là nặng, đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Văn D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo không phạm tội.

* Đại D4 Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại HÀ NỘI tham gia phiên tòa: Sau khi phân tích; đánh giá nội dung vụ án, lời khai nhận tội của các bị cáo, xác định việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Quang H, Lê Thị P, Phạm Công H1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ pháp luật.

Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Quang H, Lê Thị P, Phạm Công H1: Tại phiên tòa P3 thẩm, các bị cáo Nguyễn Quang H, Lê Thị P, Phạm Công H1 có thêm tình tiết giảm nhẹ mới đó là tác động gia đình bồi thường cho người bị hại, nộp tiền phạt bổ sung, tiền án phí hình sự sơ thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm cho các bị cáo Phạm Công H1, Nguyễn Quang H mỗi bị cáo từ 01 đến 02 năm tù; bị cáo Lê Thị P từ 06 tháng đến 01 năm tù là phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Công T không có tình tiết giảm nhẹ mới đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm đối với bị cáo T8 .

Đối với bị cáo Nguyễn Văn D, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa P3 thẩm bị cáo D4 thay đổi kháng cáo sang kêu oan. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị cáo Bùi Hữu N9, Nguyễn Công T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Văn D vừa là người giúp sức, vừa là người thực hành trong việc cùng các bị cáo khác gian dối bán đồng đen giả để chiếm đoạt 500.000.000 đồng của ông H15 . Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo D4.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo T8 đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo sức tuổi đã cao, sức khỏe yếu, đã khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có công với cách mạng.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang H nêu các tình tiết giảm nhẹ như sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền 512 triệu cho người bị hại Vương Đình H12 theo quyết định của bản án sơ thẩm, người bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo H12, giảm hình phạt cho bị cáo; xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, tiền phạt bổ sung đối với bị cáo H12 .

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Thị P đề nghị xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo là người cao tuổi, hiện đang có bệnh, H13 cảnh gia đình khó khăn chồng là thương binh. Sau khi xét xử sơ thẩm đã nộp 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung, 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” là chưa đủ cơ sở vì việc đặt cọc hai lần là một chuỗi hành vi để đạt được mục đích phạm tội; chưa phân hóa đúng vai trò của bị cáo, là người giúp sức không đáng kể. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm hình phạt cho bị cáo P3.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D cho rằng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo D4 là không đúng, bị cáo kêu oan là có căn cứ vì bản thân bị cáo không biết gì

việc mua bán đồng đen, việc bị cáo có quen biết các đối tượng trên và nhờ D4 đi mua hộ kết sắt là quan hệ bình thường; bị cáo chỉ cho mượn nhà của mẹ để (bà Khuyên) chứ H13 toàn không biết các bị cáo sử dụng nhà của mẹ để để thực hiện Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Công H1 nêu các tình tiết giảm nhẹ như: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình điều tra vụ án và được điều tra viên xác nhận. Sau khi xét xử sơ thẩm, đã tác động gia đình bồi thường khắc phục toàn bộ thiệt hại theo quyết định bản án sơ thẩm, đã nộp tiền phạt bổ sung, tiền án phí hình sự, dân sự sơ thẩm; gia đình có công với cách mạng, đây là các tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, xử phạt bị cáo H13 mức hình phạt 07 năm tù là phù hợp.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử P3 thẩm nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Đơn kháng cáo của các bị cáo bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Quang H, Lê Thị P, Nguyễn Văn D, Phạm Công H1 đảm bảo về mặt hình thức, trong hạn luật định được xem xét theo trình tự P3 thẩm.

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về Hành vi, quyết định của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng. Do đó, các Hành vi, quyết định của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Hành vi và tội danh:

Tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm và P3 thẩm, các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Quang H, Lê Thị P, Phạm Công H1 đều khai nhận thành khẩn Hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở xác định:

Sau khi bàn bạc thống nhất giữa các bị cáo về việc nếu có người hỏi mua đồng đen sẽ lừa bán đồng đen giả để chiếm đoạt tiền đặt cọc của người mua. Các bị cáo đã thực hiện Hành vi chiếm đoạt tiền của người bị hại cụ thể:

- Ngày 26/4/2019, tại nhà sàn của bà Nguyễn Thị K tại Thôn Hải T7, xã Hải L5, huyện Như T8, tỉnh Thanh Hóa, các bị cáo Nguyễn Công T và Nguyễn Quang H đã đưa ra thông tin và dùng thủ đoạn gian dối làm cho ông Vương Đình H12 tin các bị cáo có đồng đen thật muốn bán nên ông H15 đã thỏa thuận mua với giá 270 tỷ đồng, đặt cọc 500 triệu đồng và ngày hôm sau sẽ thực hiện

mua bán. Sau khi chiếm đoạt được 500 triệu đồng của ông H15, Bùi Hữu N9 đã chia cho Trần Ngọc H11 240.000.000 đồng, sau đó HÀ chia cho Nguyễn Văn D 40.000.000 đồng; cho bà Nguyễn Thị K 10.000.000 đồng; chia cho Nguyễn Quang H, Phạm Công H1, Nguyễn Công T mỗi người 50.000.000 đồng, Lê Thị P 30.000.000 đồng; trả tiền thuê xe 20.000.000 đồng; Bùi Hữu N9 được hưởng 50.000.000 đồng.

- Để tiếp tục chiếm đoạt tiền của ông H15, các bị cáo lấy lý do hoãn thực hiện việc mua bán, đồng thời yêu cầu ông H15 đặt cọc thêm 01 tỷ đồng nữa thì được ông H15 đồng ý. Tiếp theo đến ngày 29/4/2019, tại nhà của Lê Thị P tại xóm 8, xã Đại C3, huyện Kim B4, tỉnh HÀ Nam, ông H15 tiếp tục đặt cọc số tiền 1 tỷ đồng. Sau khi nhận tiền, N9 chia cho P3 75.000.000 đồng; H13 70.000.000 đồng; T8, H12 mỗi người 78.00.000 đồng; trả tiền thuê xe 5.000.000 đồng; N9 94.000.000 đồng; đưa cho H12 580.000.000 đồng để H12 đưa cho nhóm môi giới và thuê nhân viên kỹ thuật; D4 không tham gia NH7 sau đó vẫn được N9 cho 20.000.000 đồng.

- Đối với Nguyễn Văn D và người bào chữa cho rằng bị cáo không trao đổi, bàn bạc, không biết việc các bị cáo khác sử dụng nhà sàn của bà Nguyễn Thị K làm nơi thực hiện Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên bị cáo không phạm tội. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị cáo Bùi Hữu N9, Nguyễn Công T và những lời khai của những người cùng tham gia khai về diễn biến Hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Trước khi bị cáo D4 đồng ý cho bị cáo N9 thuê, mượn ngôi nhà sàn của bà Khuyên thì bị cáo D4 biết rõ N9 sẽ sử dụng nhà sàn làm địa điểm thực hiện Hành vi lừa bán đồng đen giả, để chiếm đoạt tài sản của ông H15; bị cáo D4 còn phối kết hợp với bị cáo T8, cầm sẵn túi ni lon màu hồng, bên trong có nhiệt kế và gương lảnh do T8 đưa, để khi ông H15 nhờ đi mua thì vẫn giả đi mua, rồi D4 đợi một lúc mới mang lên đưa cho ông H15 để ông H15 tin là D4 đi mua thật (nhiệt kế và gương). Như vậy, Nguyễn Văn D vừa là người giúp sức, vừa là người thực Hành trong việc cùng các bị cáo khác gian dối bán đồng đen giả để chiếm đoạt 500.000.000 đồng của ông H15 như Tòa án cấp sơ thẩm quy kết Nguyễn Văn D là đồng phạm tội lừa đảo chiếm tài sản, là đúng người, đúng tội, không oan.

Như vậy, các bị cáo Bùi Hữu N9, Nguyễn Công T, Nguyễn Quang H, Lê Thị P, Phạm Công H1 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng số tiền chiếm đoạt được của ông H15 là 1.500.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền 500.000.000 đồng trong tổng số tiền chiếm đoạt của ông H15.

Với Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Quang H, Lê Thị P, Phạm Công H1 và Nguyễn Văn D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Quang H, Lê Thị P, Phạm Công H1 và Nguyễn Văn D là Hành vi nguy hiểm cho xã hội, Hành vi này không chỉ xâm phạm trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự tri an chung ở địa phương, gây H14ng mang trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến đạo đức xã hội, làm xói mòn lòng tin giữa con người và con người. Do đó, Hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm giáo dục cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Quang H, Lê Thị P, Phạm Công H1, thấy rằng:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất của vụ án, cũng như xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; vai trò tham gia của từng bị cáo để quyết định hình phạt, trong đó: Bị cáo Bùi Hữu N9 là người quyết định thực hiện việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bố trí địa điểm, rủ bị cáo T8 tham gia, chỉ đạo T8 làm giả đồng đen, chuẩn bị các thủ đoạn để lừa làm người mua là ông H15 tin là đồng đen thật; là người viết giấy biên nhận số tiền 1,5 tỷ đồng đặt cọc và quyết định ăn chia số tiền chiếm đoạt được cho các bị cáo khác nên bị cáo N9 giữ vai trò cao nhất trong vụ án.

[3.1] Đối với bị cáo Nguyễn Công T, sau khi được Bùi Hữu N9 trao đổi, bị cáo T8 là người làm giả cục đồng đen và có các thủ đoạn gian dối làm cho người mua tưởng đồng đen thật. Sau khi chiếm đoạt được 500 triệu đồng tiền đặt cọc lần 1 của ông Vương Đình H12, T8 gọi điện cho ông H15 nói hoãn việc giao dịch ngày 27/4/2019 và bảo ông H15 có gì thông báo lại sau, địa điểm do T8 lựa chọn. Đến ngày 28/4/2019, T8 yêu cầu ông H15 đặt cọc thêm 01 tỷ đồng và hẹn ngày 29/4/2019 gặp nhau tại nhà Lê Thị P, T8 trực tiếp nhận 1 tỷ của ông H15, sau đó đưa lại cho N9 số tiền này. Do đó, bị cáo T8 là người trực tiếp thực hiện tội phạm tích cực nhất, giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, P3 thẩm bị cáo T8 thành khẩn khai báo; đã tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần số tiền chiếm đoạt; gia đình có công với cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và áp dụng pháp luật là có căn cứ. Về nhân thân: Bị cáo T8 có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nH7 không lấy đó làm bài học tu dưỡng cho bản thân, lại tiếp tục phạm tội. Với tính chất Hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân của bị cáo thì việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 14 năm 06 tháng tù là phù hợp. Tại phiên tòa P3 thẩm, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt nH7 không có tình tiết giảm nhẹ mới để xem xét. Sau khi xét xử sơ thẩm, số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 72.000.000 đồng nH7 bị cáo không thực hiện bồi thường tiếp. Do đó, Hội đồng xét xử P3 thẩm, xét thấy không có căn

cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Công T, cần giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Công T.

[3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Quang H, sau khi thống nhất với N9, gặp người bị hại tại nhà bà Nguyễn Thị K, H12 giới thiệu tên là “Trình”. Khi ông H15 giao tiền đặt cọc 500 triệu vào ngày 26/4/2019 thì H12, cùng T8, bà H14 ký giấy biên nhận; sau đó H12 đem 500 triệu đồng sang phòng chờ tại quán karaoke của D4 đưa cho N9. Ngày 28/4/2019, T8 yêu cầu ông H15 đặt cọc thêm 01 tỷ đồng và hẹn ngày 29/4/2019 gặp nhau tại nhà Lê Thị P ở huyện Kim B4, tỉnh HÀ Nam để H12 cùng tham gia giao dịch để nhận tiền đặt cọc 01 tỷ đồng của ông H15.

Sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về Hành vi phạm tội của mình; đã tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần số tiền chiếm đoạt; gia đình có công với cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và áp dụng là có căn cứ.

Tại phiên tòa P3 thẩm, gia đình bị cáo xuất trình tài liệu thể hiện: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền 512.000.000 đồng cho người bị hại theo quyết định của bản án sơ thẩm; người bị hại Vương Đình H12 có đơn xác nhận đã nhận đủ số tiền trên do gia đình bị cáo bồi thường và đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H12. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mới thể hiện thái độ ăn năn, hối cải và thể hiện ý thức chấp Hành pháp luật của bị cáo, cấp P3 thẩm sẽ xem xét, áp dụng thêm vào điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo. Xét thấy, tại phiên tòa P3 thẩm bị cáo H12 thể hiện sự ăn năn, hối cải về Hành vi phạm tội của mình, tích cực bồi thường cho người bị hại, tại phiên tòa P3 thẩm có thêm các tình tiết giảm nhẹ mới như nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử P3 thẩm, xét thấy có căn cứ để xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin giảm hình phạt cho bị cáo và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo Nguyễn Quang H.

[3.3] Đối với bị cáo Lê Thị P, bị cáo cùng bàn bạc với N9 về việc lừa đảo tiền của người bị hại; giới thiệu bà Trần Thị H9 với N9 thống nhất với bà H14 liên lạc đưa ông H15 đến gặp nhóm của N9. Ngày 25/4/2019, P3 đi ô tô cùng ông H15 vào nhà D4 ở Thanh Hóa để gặp N9 thống nhất việc mua bán đồng đen giả. Ngày 29/4/2019 cùng với nhóm của N9 lừa đảo chiếm đoạt 1 tỷ đồng của ông H15 tại nhà của P3 ở huyện Kim B4, HÀ Nam.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, P3 thẩm bị cáo P3 thành khẩn khai báo; đã tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần số tiền chiếm đoạt; có chồng là cựu chiến binh, được tặng Huân chương kháng chiến nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và áp dụng là có căn cứ.

Tại phiên tòa P3 thẩm, gia đình bị cáo xuất trình tài liệu thể hiện: Sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo đã nộp 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; đây là tình tiết giảm nhẹ mới, được cấp P3 thẩm xem xét, áp dụng thêm cho bị cáo để giảm cho bị cáo Lê Thị P một phần hình phạt tù, tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo tốt.

[3.4] Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn D kêu oan, tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa P3 thẩm bị cáo D4 không thừa nhận Hành vi phạm tội nhằm trốn tránh trách nhiệm trước pháp luật. Với căn cứ phân tích nêu trên, thấy rằng bị cáo thực hiện Hành vi phạm tội tích cực, phối hợp với bị cáo T8, cầm sẵn túi ni lon màu hồng, bên trong có nhiệt kế và gương do T8 đưa để khi ông H15 nhờ đi mua, thì đợi một lúc mới mang lên đưa cho ông H15 để ông H15 tin là D4 đi mua thật; bị cáo vừa là người giúp sức, vừa là người thực Hành tích cực trong việc cùng các bị cáo khác gian dối bán đồng đen giả để chiếm đoạt 500.000.000 đồng của ông H15, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ đó là gia đình có công với cách mạng; bố mẹ là dân công hỏa tuyến và xử phạt bị cáo mức hình phạt 13 năm tù là phù hợp với vai trò của bị cáo đã tham gia. Do đó, Hội đồng xét xử P3 thẩm không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Văn D, giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

[3.5] Đối với bị cáo Phạm Công H1, bị cáo tham gia với vai trò thấp nhất trong vụ án, chỉ là người thông báo cho bị cáo N9 về việc có người muốn mua đồng đen. Cả hai lần thực hiện Hành vi, bị cáo H13 tham gia với vai trò giúp sức, không trực tiếp giao dịch với bị hại, không phải là người trực tiếp cùng các bị cáo khác gian dối bán đồng đen giả để chiếm đoạt tiền của người bị hại. Tại giai đoạn điều tra, tại các phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về Hành vi phạm tội của mình; sau khi sự việc xảy ra, bị cáo tác động gia đình bồi thường số tiền 120.000.000 đồng được ăn chia; Bị cáo H13 đã tích cực hợp tác với Cơ quan Điều tra trong quá trình điều tra vụ án, được Điều tra viên xác nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Tại phiên tòa P3 thẩm, gia đình bị cáo H13 xuất trình tài liệu thể hiện: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo tác động gia đình nộp số tiền 25.700.000 đồng (bao gồm 15.000.000 đồng tiền phạt bổ sung; 10.000.000 đồng tiền bị cáo còn phải bồi thường theo quyết định bản án sơ thẩm; 500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm). Ngoài ra, gia đình bị cáo có công với cách mạng, có bố đẻ là ông Phạm Văn Đ3 được trao tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới thể hiện thái độ ăn năn, hối cải và thể hiện ý thức chấp Hành pháp luật của bị cáo,

được cấp P3 thẩm xem xét, áp dụng thêm vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo H13.

Xét thấy bị cáo Phạm Công H1 thực hiện Hành vi phạm tội có mức độ, với vai trò đồng phạm giúp sức thấp nhất trong vụ án, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 BLHS và tại phiên tòa P3 thẩm có thêm các tình tiết giảm nhẹ mới như nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử P3 thẩm thấy có căn cứ áp dụng thêm Điều 54 BLHS, chấp nhận kháng cáo của bị cáo là phù hợp với vai trò của bị cáo tham gia trong vụ án.

[4]. Về quan điểm của luật sư cho rằng bỏ tình tiết tăng nặng “phạm tội 2 lần trở lên” đối với các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Quang H, Lê Thị P, Phạm Công H1, xét thấy: Ngày 26/4/2019 các bị cáo lừa bán đồng đen giả để chiếm đoạt tiền đặt cọc của người mua nên khi ông H15 đặt cọc 500.000.000 đồng, bị cáo T8 đồng ý và ấn định ngày thực hiện mua bán, không có thỏa thuận đặt cọc thêm. Sau khi thấy lừa lấy được đặt cọc 500.000.000 đồng được dễ dàng, tiếp đến ngày 29/4/2020 các bị cáo tiếp tục nảy sinh ý định và đã chiếm đoạt được chiếm đoạt thêm 01 tỷ đồng của ông H15. Như vậy, các lần thực hiện Hành vi chiếm đoạt tài sản là độc lập và được thực hiện ở các thời điểm, thời gian, với những địa điểm cũng khác nhau, mỗi lần chiếm đoạt tài sản đều đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm và định khung tại khoản 4 Điều 174 BLHS. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 2 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo là đúng với quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Văn D kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo Nguyễn Quang H, Lê Thị P, Phạm Công H1 kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự P3 thẩm.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Văn D. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

1.1. Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công T 14 (Mười bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2019.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 21/11/2019.

2. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quang H, Lê Thị P, Phạm Công H1; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

2.1. Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt:

2.1.1. Bị cáo Lê Thị P 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2019.

2.1.2. Bị cáo Nguyễn Quang H 12 (Mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 16/11/2019.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Phạm Công H1 10 (mười) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2019.

3. Ghi nhận các khoản tiền đã được thực hiện bồi thường và thi hành:

3.1. Ghi nhận gia đình bị cáo Nguyễn Quang H đã bồi thường toàn bộ số tiền 512.000.000 đồng cho người bị hại Vương Đình H12 theo quyết định của bản án hình sự sơ thẩm (thể hiện tại Đơn đề nghị ghi ngày 08/4/2021 của ông Vương Đình H12 có chứng thực của Văn phòng công chứng Hòa Bình, tỉnh Nghệ An).

3.2. Ghi nhận gia đình bị cáo Phạm Công H1 đã nộp số tiền 25.700.000 đồng (bao gồm tiền phạt bổ sung; tiền bị cáo còn phải bồi thường, tiền án phí hình sự sơ thẩm, tiền án phí dân sự sơ thẩm) theo Biên lai thu tiền số AA/2015/0002864 ngày 28/4/2021 của Cục thi Hành án dân sự tỉnh HÀ Nam.

3.3. Ghi nhận gia đình bị cáo Lê Thị P đã nộp 10.000.000 đồng tiền bồi thường khắc phục hậu quả theo Biên lai thu tiền số AA/2015/0002891 ngày 01/9/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam; và nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số AA/2015/0001800 ngày 11/3/2021 của Cục thi Hành án dân sự tỉnh Hà Nam.

3.4. Ghi nhận gia đình bị cáo Nguyễn Văn D đã nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số AA/2015/0002874 ngày 29/6/2021 của Cục thi Hành án dân sự tỉnh Hà Nam.

4. Án phí:

- Các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự P3 thẩm.

- Các bị cáo Nguyễn Quang H, Lê Thị P, Phạm Công H1 không phải chịu án phí hình sự P3 thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án P3 thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Công an tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hà Nam;
- Các bị cáo (qua trại tạm giam);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P3 THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Hạnh